

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024  
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu  
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 441 + 442)

### MẪU SỐ 3A

## HỒ SƠ MỜI THẦU XÂY LẮP QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

#### Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

|                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>31. Đối chiếu tài liệu</b> | <p>31.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08A Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính theo quy định tại Mẫu số 08B, Mẫu số 08C Chương IV;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           | <p>g) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b> | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p> |
| <b>33. Hủy thầu</b>                       | <p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                | <p>thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p> |
| <b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b> | <p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                         | <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>                                                                                                                                                         |
| <b>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b> | <p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p> |

|                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>           | <p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p> |
| <b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>          | <p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>                                                                                                                         |
| <b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b> | <p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 | <p>lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> |
| <b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b> | Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b> .                                                                                                                                              |

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

|                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>E-CDNT 1.1</b>     | Tên Chủ đầu tư:___ [ <i>Hệ thống tự động trích xuất</i> ].                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>E-CDNT 1.2</b>     | <p>Tên gói thầu:___ [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>].</p> <p>Tên dự án:___ [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>].</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>E-CDNT 3</b>       | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn):___ [ <i>Theo E-TBMT</i> ].                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>E-CDNT 5.1 (c)</b> | <p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:___ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu</i>], trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán:___ [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>];</li> </ul> </li> </ul> |

+ Tư vấn thẩm định giá:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn đánh giá E-HSDT:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu:\_\_\_ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

$X_i$ : Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ  $i$ ;

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

|                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                       | <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p><i>Trường hợp nội dung về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại E-BDL căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</i></p> |
| <b>E-CDNT 5.1 (g)</b> | <p>- Điều kiện về cấp doanh nghiệp:_____ [<i>trường hợp gói thầu có giá không quá 05 tỷ đồng thì ghi: “Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp”. Trường hợp gói thầu có giá trên 05 tỷ đồng thì ghi: “Không áp dụng”</i>].</p> <p>- Trường hợp gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì ghi _____ [<i>“Không yêu cầu”</i>].</p>                                                                                                   |
| <b>E-CDNT 7.6</b>     | <p>Tổ chức khảo sát hiện trường:_____ [<i>ghi "có" hoặc "không". Trường hợp "có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức khảo sát hiện trường, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức khảo sát hiện trường</i>]</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>E-CDNT 7.7</b>     | <p>Hội nghị tiền đấu thầu:_____ [<i>ghi "có" hoặc "không". Trường hợp "có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu</i>]</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>E-CDNT 8</b>       | <p>Chi phí nộp E-HSDT:_____ [<i>Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành</i>].</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>E-CDNT 10.8</b>    | <p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:_____ [<i>ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với E-HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô,</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                    | <i>tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không yêu cầu”].</i>                                                                                                                                                                            |
| <b>E-CDNT 12.1</b> | Nhà thầu____ [ <i>ghi “được phép” hoặc “không được phép”</i> ] nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.<br><i>[trường hợp chỉ cho phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với phần công việc cụ thể của gói thầu thì phải nêu rõ các phần công việc mà nhà thầu được phép chào phương án kỹ thuật thay thế].</i> |
| <b>E-CDNT 17.1</b> | Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq$ ____ ngày [ <i>trích xuất theo E-TBMT</i> ], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                               |
| <b>E-CDNT 18.2</b> | Nội dung bảo đảm dự thầu:<br>- Giá trị bảo đảm dự thầu: [ <i>Hệ thống trích xuất từ E-TBMT</i> ].<br>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: [ <i>Hệ thống trích xuất từ E-TBMT</i> ].                                                                                                                           |
| <b>E-CDNT 18.4</b> | Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: ____ ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt [ <i>ghi cụ thể số ngày nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt</i> ].                                                      |
| <b>E-CDNT 27.3</b> | Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: ____ giá dự thầu của nhà thầu [ <i>tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ %</i> ].                                                                                                                                                                           |
| <b>E-CDNT 27.5</b> | Sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt: ____ [ <i>ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”</i> ]. Trường hợp được phép thì phải nêu rõ cách đánh giá năng lực, kinh nghiệm đối với nhà thầu phụ đặc biệt tại Mục 2.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT của E-HSMT].                                                        |
| <b>E-CDNT 29.1</b> | Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): ____ [ <i>Chủ đầu tư ghi nội dung ưu đãi theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i> ].                                                                                                        |

|                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>E-CDNT 30.1</b>    | <p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: _____ [<i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp “Đạt/Không đạt” hoặc “Chấm điểm”</i>].</li> <li>- Đánh giá về tài chính _____ [<i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp giá đánh giá cho phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III</i>].</li> </ul> |
| <b>E-CDNT 30.2(đ)</b> | <p>Xếp hạng nhà thầu: [<i>Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 30.1 E-BDL như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;</li> <li>- Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: “nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”].</li> </ul>                                   |
| <b>E-CDNT 32.4</b>    | <p>[<i>Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 30.1 E-BDL như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</li> <li>- Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: “nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất”].</li> </ul>                                                                                                    |
| <b>E-CDNT 38.2</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có thẩm quyền: _____ [<i>ghi đầy đủ tên người có thẩm quyền</i>]</li> <li>+ Địa chỉ: _____ [<i>ghi đầy địa chỉ, số điện thoại, số fax, email của người có thẩm quyền</i>];</li> <li>+ E-mail: _____ [<i>ghi rõ Email của người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu</i>].</li> </ul>                                                                                                                                                                 |

|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn:<br>+ Địa chỉ: _____ <i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email của Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn];</i><br>+ E-mail: _____ <i>[ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].</i> |
| <b>E-CDNT 39</b> | Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: _____<br><i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].</i>                                                                               |

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và

thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

---

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, bên mời thầu có thể lựa chọn để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm cho phù hợp. Đối với gói thầu có tính chất đơn giản có thể không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT).

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của \_\_\_\_ *[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam]* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                        |                           |                               | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                         | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                           |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
| 1                                    | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm _____ <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> . | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
| 2                                    | Thực hiện nghĩa vụ thuế                               | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
| 3                                    | Năng lực tài chính                                    |                                                                                                                                                                                                 |                           |                               |                           |
| 3.1                                  | Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>            | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)                                        | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |                           |                               | Mẫu số 8A                 |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |                               | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                           |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
| 3.2                                  | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <sup>(6)</sup> VND.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             |
| 3.3                                  | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu           | Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao <sup>(7)</sup> , hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là <sup>(8)</sup> VND.<br>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                               | Mẫu số 08B, 08C           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                                | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                           |                                                     | Tài liệu cần nộp                                                |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                          | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh<br>Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |
|                                      |                                                                | <p>- Giá trị: Tối thiểu..... VND (ghi giá trị);</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong.... <i>[ghi thời gian thực hiện gói thầu]</i> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày... tháng.... năm... <i>[ghi rõ ngày dự kiến hoàn thành hợp đồng, ví dụ: 31 tháng 12 năm 2022]</i>;</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</p> |                           |                                                     |                                                                 |
| 4                                    | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự <sup>(9)</sup> | <p><b>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây:</i> _____</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này                           | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) |
|                                      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                           |                                                     | Mẫu số 5                                                        |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                  |                               | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh            |                           |
|                                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu:..., cấp:.... <i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]</i><sup>(12)</sup> trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V^{(13)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ trong đó <math>X = 2 \times V</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>Hoặc:</p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành</p> |                  |                               |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |                                                     | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh<br>Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu:..., cấp:.... <i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]</i><sup>(12)</sup>, có giá trị là V<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p><b>2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây: ____</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> |                  |                                                     |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |                                                     | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh<br>Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:....<br/>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V1<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq</math> X1, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó X1 = 2 x V1.</p> <p>Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq</math> X1 thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:....<br/>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V2<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq</math> X2, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc</p> |                  |                                                     |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                  |                               | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh            |                           |
|                                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                  | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X2 = 2 \times V2</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X2</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:....</p> <p><i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup></i>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V3^{(13)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X3</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X3 = 2 \times V3</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X3</math> thì được coi là đáp ứng.</p> |                  |                               |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                  |                                                     | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh<br>Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>...</p> <p><b>Hoặc:</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm _____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:....<br/><i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V1<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</i></p> <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:....<br/><i>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V2<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</i></p> |                  |                                                     |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |                                                     | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh<br>Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |
|                                      |       | <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:...<br/>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V3<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>...</p> <p><b>3. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm các hạng mục công việc A1, A2, A3... (không phải là công trình theo pháp luật xây dựng)</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> <p>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A1 [ghi tính chất của hạng mục A1], có giá trị là V1<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> |                  |                                                     |                           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       | Các yêu cầu cần tuân thủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                               |                           | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nhà thầu độc lập              | Nhà thầu liên danh        |                  |
|                                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |                  |
|                                      |       | <p>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A2 [<i>ghi tính chất của hạng mục A2</i>], có giá trị là V2<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A3 [<i>ghi tính chất của hạng mục A3</i>], có giá trị là V3<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p> |                               |                           |                  |

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) *(Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021). Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y *(Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm:

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu - giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 01 năm thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) =**

**(Giá gói thầu - giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình đối với cấp công trình xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét. Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị công việc xây lắp của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất. Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

- + Nhà A1 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn  $5.000 \text{ m}^2$ , có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND
- + Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m
- + Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn  $12 \text{ m}^2$

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp III, có giá trị tối thiểu là  $50\% \times (X) \text{ VND}$ ” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ có loại kết cấu và cấp công trình tương tự với hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ của gói thầu đang xét.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự       | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup> |
|-----|------------------|----------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   |                  |          | tối thiểu __ năm hoặc<br>tối thiểu __ hợp đồng |                                               |
| 2   |                  |          | tối thiểu __ năm hoặc<br>tối thiểu __ hợp đồng |                                               |
| ... |                  |          |                                                |                                               |
| n   |                  |          |                                                |                                               |

Ghi chú:

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|------------------------------------|---------------------------|
| 1   |                                    |                           |
| 2   |                                    |                           |
| 3   |                                    |                           |
| ... |                                    |                           |

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):**

Chủ đầu tư, Bên mời thầu chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_ [*ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt*].

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp

dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu... và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, trong E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Đối với gói thầu xây lắp, nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSDT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức quy định này từ 80% đến 90% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

$n$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

#### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>2</sup>:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

<sup>2</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

#### 4.2. Phương pháp giá đánh giá<sup>3</sup>:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- $G$  = (giá dự thầu  $\pm$  giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa) - giá trị giảm giá (nếu có);
- $\Delta_{\text{ƯĐ}}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 29 E-CDNT;
- $\Delta_G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình bao gồm:
  - + Tiến độ hoàn thành công trình;
  - + Chi phí vòng đời trong suốt quá trình sử dụng của công trình;
  - + Chi phí lãi vay (nếu có);
  - + Đấu thầu bền vững (nếu có);
  - + Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;
  - + Các yếu tố khác (nếu có).

1. Tiến độ hoàn thành công trình:

*Công trình phải được hoàn thành trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình sớm hơn quy định trong E-HSMT thì không được tính ưu tiên; nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.*

---

<sup>3</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.

*Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của một ngày công trình được đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình) là A thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu hoàn thành công trình muộn hơn so với ngày hoàn thành công trình sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là  $A \times X$  vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

2. Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của công trình là đáng kể so với chi phí xây dựng công trình và có thể khác nhau giữa các E-HSDT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

- Số năm tính chi phí vòng đời: \_\_\_\_ [ghi số năm];
- Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: \_\_\_\_ [ghi tỷ lệ chiết khấu];
- Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của công trình được xác định theo cách thức: \_\_\_\_ [ghi cách thức xác định];
- Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

3. Đầu thầu bền vững (nếu có): \_\_\_\_ [có thể quy định nội dung này nếu tại Mục 3 Chương này có yêu cầu. Trong trường hợp này chủ đầu tư, bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về thân thiện môi trường, xã hội... so với mức yêu cầu tối thiểu];

4. Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;

5. Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

**Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

| Stt | Biểu mẫu                                                                            | Cách thức thực hiện                           | Trách nhiệm thực hiện |          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------|
|     |                                                                                     |                                               | Chủ đầu tư            | Nhà thầu |
| 1   | Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)             | <b>Webform</b>                                | <b>X</b>              |          |
| 2   | Mẫu số 01B. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)      |                                               | <b>X</b>              |          |
| 3   | Mẫu số 01C. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)   |                                               | <b>X</b>              |          |
| 4   | Mẫu số 01D. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)                   |                                               | <b>X</b>              |          |
| 5   | Mẫu số 01E. Bảng tiến độ thực hiện                                                  |                                               | <b>X</b>              |          |
| 6   | Mẫu số 02. Đơn dự thầu                                                              | <b>Webform</b>                                |                       | <b>X</b> |
| 7   | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh                                                     |                                               |                       | <b>X</b> |
| 8   | Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> )   | <b>Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử</b> |                       | <b>X</b> |
| 9   | Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> ) |                                               |                       | <b>X</b> |
| 10  | Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện                                  | <b>Webform</b>                                |                       | <b>X</b> |
| 11  | Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt                                           |                                               |                       | <b>X</b> |
| 12  | Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt                            |                                               |                       | <b>X</b> |

| Stt | Biểu mẫu                                                                                    | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện |          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------|
|     |                                                                                             |                     | Chủ đầu tư            | Nhà thầu |
| 13  | Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn                                                     |                     |                       | X        |
| 14  | Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu                                          |                     |                       | X        |
| 15  | Mẫu số 07. Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành trong quá khứ |                     |                       | X        |
| 18  | Mẫu số 08A. Tình hình tài chính của nhà thầu                                                |                     |                       | X        |
| 19  | Mẫu số 08B. Nguồn lực tài chính                                                             |                     |                       | X        |
| 20  | Mẫu số 08C. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện                  |                     |                       | X        |
| 21  | Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ                                          |                     |                       | X        |
| 22  | Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt                                              |                     |                       | X        |
| 23  | Mẫu số 09C. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu  |                     |                       | X        |
| 24  | Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện                                                           |                     |                       | X        |
| 25  | Mẫu số 11A. Bảng tổng hợp giá dự thầu                                                       |                     |                       | X        |
| 26  | Mẫu số 11B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)               |                     |                       | X        |

| Stt | Biểu mẫu                                                                         | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện |          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------|
|     |                                                                                  |                     | Chủ đầu tư            | Nhà thầu |
| 27  | Mẫu số 11C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) |                     |                       | X        |
| 28  | Mẫu số 11D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)                 |                     |                       | X        |
| 29  | Mẫu số 12A. Bảng kê công nhật                                                    |                     |                       | X        |
| 30  | Mẫu số 12B. Bảng kê các khoản tạm tính                                           |                     |                       | X        |
| 31  | Mẫu số 12C. Bảng số liệu điều chỉnh                                              |                     |                       | X        |

Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC<sup>(1)</sup>**  
**(Áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)**

| STT | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup> | Đơn vị tính |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------|-------------|
|     |                                |                                     |             |
|     |                                |                                     |             |
|     |                                |                                     |             |
|     |                                |                                     |             |

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11A Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

**Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
**(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

| <b>STT</b> | <b>Mô tả công việc mời thầu</b>                   | <b>Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính</b> | <b>Khối lượng mời thầu</b> | <b>Đơn vị tính</b> |
|------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|
| (1)        | (2)                                               | (3)                                            | (4)                        | (5)                |
| <b>I</b>   | <b>Các hạng mục</b>                               |                                                |                            |                    |
| <i>1</i>   | <i>Hạng mục 1</i>                                 |                                                |                            |                    |
| <i>2</i>   | <i>Hạng mục 2</i>                                 |                                                |                            |                    |
| ...        | ...                                               |                                                |                            |                    |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí dự phòng<sup>(6)</sup></b>             |                                                |                            |                    |
|            | <i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:</i> |                                                | <i>b1%</i>                 |                    |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

**Mẫu số 01C (Webform trên Hệ thống)****BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
**(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

| STT       | Mô tả công việc mời thầu                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|
| (1)       | (2)                                                                                           | (3)                                     | (4)                 | (5)         |
| <b>I</b>  | <b>Các hạng mục</b>                                                                           |                                         |                     |             |
| <i>1</i>  | <i>Hạng mục 1</i>                                                                             |                                         |                     |             |
| <i>2</i>  | <i>Hạng mục 2</i>                                                                             |                                         |                     |             |
| ...       | ...                                                                                           |                                         |                     |             |
| <b>II</b> | <b>Chi phí dự phòng</b>                                                                       |                                         |                     |             |
| <i>1</i>  | <i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá<sup>(*)</sup>:</i> |                                         | <i>b1%</i>          |             |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**  
**(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

| STT | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup> | Đơn vị tính |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------|-------------|
|     |                                |                                     |             |
|     |                                |                                     |             |

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11D Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

**II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định**

| STT | Mô tả công việc<br>mời thầu                   | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối lượng<br>mời thầu | Đơn vị<br>tính |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|----------------|
| (1) | (2)                                           | (3)                                           | (4)                    | (5)            |
| I   | Các hạng mục                                  |                                               |                        |                |
| 1   | Hạng mục 1                                    |                                               |                        |                |
| 2   | Hạng mục 2                                    |                                               |                        |                |
| ... | ...                                           |                                               |                        |                |
| II  | Chi phí dự phòng <sup>(*)</sup>               |                                               |                        |                |
| 1   | Chi phí dự phòng cho<br>khối lượng phát sinh: |                                               | b1%                    |                |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

### III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

| STT       | Mô tả công việc<br>mời thầu                                                                   | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối lượng<br>mời thầu | Đơn vị<br>tính |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|----------------|
| (1)       | (2)                                                                                           | (3)                                           | (4)                    | (5)            |
| <b>I</b>  | <b>Các hạng mục</b>                                                                           |                                               |                        |                |
| <i>1</i>  | <i>Hạng mục 1</i>                                                                             |                                               |                        |                |
| <i>2</i>  | <i>Hạng mục 2</i>                                                                             |                                               |                        |                |
| ...       | ...                                                                                           |                                               |                        |                |
| <b>II</b> | <b>Chi phí dự phòng<sup>(*)</sup></b>                                                         |                                               |                        |                |
| <i>1</i>  | <i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá<sup>(*)</sup>:</i> |                                               | <i>b2%</i>             |                |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

| STT | Công trình | Địa điểm | Thời gian hoàn thành công trình                                                           |                                                                                         |
|-----|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |          | Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất<br>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] | Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực] |
| (1) | (2)        | (3)      | (4)                                                                                       | (5)                                                                                     |
|     |            |          |                                                                                           |                                                                                         |

Ghi chú:

- (2): Trích xuất tên gói thầu.
- (3): Ghi địa điểm nơi triển khai gói thầu.
- (4): Chủ đầu tư điền nhưng bảo đảm thời gian tại cột này < thời gian tại cột (5).
- (5): Trích xuất thời gian thực hiện gói thầu.

**Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)****ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Ngày:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là\_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu:\_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>:\_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Đáp ứng quy định về cấp doanh nghiệp theo yêu cầu của E-HSMT đối với trường hợp gói thầu xây lắp có giá không quá 05 tỷ đồng.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(3)</sup>.

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

**Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)****THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup>\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup>\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT:\_\_\_  
[*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:**\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Số đăng ký doanh nghiệp:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:**\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Số đăng ký doanh nghiệp:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:**\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Số đăng ký doanh nghiệp:\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:\_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác\_\_\_\_\_ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

### **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công\_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng\_\_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

| STT              | Tên các thành viên trong liên danh                                 | Nội dung công việc đảm nhận           | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh<br>(Hệ thống tự động trích xuất) | - _____<br>- _____                    | - _____%<br>- _____%                             |
| 2                | Tên thành viên thứ 2                                               | - _____<br>- _____                    | - _____%<br>- _____%                             |
| ....             | ....                                                               | ....                                  | .....                                            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                    | <b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b> | <b>100%</b>                                      |

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[xác nhận, chữ ký số]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

**Mẫu số 04A (Scan đính kèm)****BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng:**\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:**\_\_\_\_ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:**\_\_\_\_ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:**\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng\_\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm\_\_\_\_ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số\_\_\_\_ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 04B (Scan đính kèm)****BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng:**\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:**\_\_\_ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:**\_\_\_ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:**\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup>* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm\_\_\_ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số\_\_\_ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

**Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)****HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|                                                                                                                                       |                                                                                                      |                                                                                                           |                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| Tên và số hợp đồng                                                                                                                    | <i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>                                                     |                                                                                                           |                     |
| Ngày ký hợp đồng                                                                                                                      | <i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>                                                                        |                                                                                                           |                     |
| Ngày hoàn thành                                                                                                                       | <i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>                                                                        |                                                                                                           |                     |
| Giá hợp đồng                                                                                                                          | <i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>                                       |                                                                                                           | Tương đương____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | <i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>                                         | <i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> | Tương đương____ VND |
| Tên dự án:                                                                                                                            | <i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>                                           |                                                                                                           |                     |
| Tên Chủ đầu tư:                                                                                                                       | <i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>                                   |                                                                                                           |                     |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | <i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>                                                  |                                                                                                           |                     |
| Điện thoại/fax:                                                                                                                       | <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>                                        |                                                                                                           |                     |
| E-mail:                                                                                                                               | <i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>                                                                          |                                                                                                           |                     |
| <b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup></b>                                                   |                                                                                                      |                                                                                                           |                     |
| 1. Loại kết cấu, cấp công trình                                                                                                       | <i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>                                                                |                                                                                                           |                     |
| 2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện                                                                                                      | <i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i> |                                                                                                           |                     |
| 3. Quy mô thực hiện                                                                                                                   | <i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>                                                                |                                                                                                           |                     |
| 4. Phương pháp, công nghệ                                                                                                             | <i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>                                                                |                                                                                                           |                     |
| 5. Các nội dung khác                                                                                                                  | <i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>                                                                      |                                                                                                           |                     |

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)****BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

| STT | Họ và Tên                                                                                                                                         | Vị trí công việc                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | <i>[chọn nhân sự chủ chốt từ CSDL của nhà thầu, hệ thống sẽ trích xuất thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]</i> | <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
| 2   | .                                                                                                                                                 |                                                              |
| ... |                                                                                                                                                   |                                                              |

Mẫu số 06B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

| Thông tin nhân sự |                              |                            |        |                       |                              | Công việc hiện tại         |                                    |           |                                                     |                                                        |                        |
|-------------------|------------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------|
| Stt               | Tên                          | Căn cước công dân/Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chức chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/ Fax/ Email |
| 1                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] |                            |        |                       |                              |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                        |
| 2                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] |                            |        |                       |                              |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                        |
| ...               |                              |                            |        |                       |                              |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                        |
| n                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] |                            |        |                       |                              |                            |                                    |           |                                                     |                                                        |                        |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

| STT | Tên nhân sự chủ chốt         | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/Chức vụ/<br>Kinh nghiệm chuyên môn và<br>quản lý có liên quan |
|-----|------------------------------|---------|----------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ...     | ...      | ...                                                                         |
|     |                              |         |          |                                                                             |
|     |                              |         |          |                                                                             |
|     |                              |         |          |                                                                             |
| 2   |                              |         |          |                                                                             |
|     |                              |         |          |                                                                             |
|     |                              |         |          |                                                                             |
| ... | ...                          |         |          |                                                                             |



Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

| Chủ sở hữu    |                |                    |               |        |       | Thỏa thuận                                                                       |
|---------------|----------------|--------------------|---------------|--------|-------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Loại thiết bị | Tên chủ sở hữu | Địa chỉ chủ sở hữu | Số điện thoại | Số Fax | Telex | Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án |
|               |                |                    |               |        |       |                                                                                  |
|               |                |                    |               |        |       |                                                                                  |

**Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)****HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III**

☐ Không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

☐ Có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

| <b>Năm</b> | <b>Phần việc hợp đồng không hoàn thành</b> | <b>Mô tả hợp đồng</b>                                                                                            | <b>Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)</b> |
|------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                            | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ |                                                                                                       |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 08A (Webform trên Hệ thống)****TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

|                                                                            |                                                                                                                                             |               |               |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
|                                                                            | <b>Năm tài chính của nhà thầu từ ngày__ tháng__ đến ngày__ tháng__ (nhà thầu điền nội dung này)</b>                                         |               |               |
|                                                                            | <b>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)</b> |               |               |
|                                                                            | <b>Năm 1:</b>                                                                                                                               | <b>Năm 2:</b> | <b>Năm 3:</b> |
| Tổng tài sản                                                               |                                                                                                                                             |               |               |
| Tổng nợ                                                                    |                                                                                                                                             |               |               |
| Giá trị tài sản ròng                                                       |                                                                                                                                             |               |               |
| Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)                             |                                                                                                                                             |               |               |
| <b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b> | <i>(Hệ thống tự động tính)</i>                                                                                                              |               |               |
| Lợi nhuận trước thuế                                                       |                                                                                                                                             |               |               |
| Lợi nhuận sau thuế                                                         |                                                                                                                                             |               |               |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 08B (Webform trên Hệ thống)****NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng)<sup>(\*)</sup> hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08C Chương này.

| <b>Nguồn lực tài chính của nhà thầu</b>            |                        |                      |
|----------------------------------------------------|------------------------|----------------------|
| <b>STT</b>                                         | <b>Nguồn tài chính</b> | <b>Số tiền (VND)</b> |
| 1                                                  |                        |                      |
| 2                                                  |                        |                      |
| 3                                                  |                        |                      |
| 4                                                  |                        |                      |
| 5                                                  |                        |                      |
| ...                                                |                        |                      |
| <b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b> |                        |                      |

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\text{NLTC} = \text{TNL} - \text{ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(\*) Hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức còn được sử dụng) là tổng hạn mức tín dụng còn lại trong tất cả Hợp đồng tín dụng mà Nhà thầu được phép sử dụng.

**Mẫu số 08C (Webform trên Hệ thống)****NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

| STT                                                                                            | Tên hợp đồng | Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax) | Ngày hoàn thành hợp đồng | Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup> | Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup> | Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1                                                                                              |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 2                                                                                              |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 3                                                                                              |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| 4                                                                                              |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| ...                                                                                            |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |
| <b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b> |              |                                                         |                          |                                                                  |                                                                      |                                                 |

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)****PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

| <b>STT</b> | <b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b> | <b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b> | <b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b> | <b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b> | <b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ<sup>(6)</sup></b> |
|------------|---------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          |                                       |                                        |                                           |                                         |                                                                        |
| 2          |                                       |                                        |                                           |                                         |                                                                        |
| 3          |                                       |                                        |                                           |                                         |                                                                        |
| 4          |                                       |                                        |                                           |                                         |                                                                        |
| ...        |                                       |                                        |                                           |                                         |                                                                        |

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

**Mẫu số 09B (Webform trên Hệ thống)****BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT <sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

| <b>STT</b> | <b>Tên nhà thầu phụ đặc biệt<sup>(2)</sup></b> | <b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b> | <b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b> | <b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b> | <b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt<sup>(6)</sup></b> |
|------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1          |                                                |                                        |                                           |                                         |                                                                                 |
| 2          |                                                |                                        |                                           |                                         |                                                                                 |
| 3          |                                                |                                        |                                           |                                         |                                                                                 |
| 4          |                                                |                                        |                                           |                                         |                                                                                 |
| ...        |                                                |                                        |                                           |                                         |                                                                                 |

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

**Mẫu số 09C (Webform trên Hệ thống)****DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

| <b>STT</b> | <b>Tên công ty con, công ty thành viên<sup>(2)</sup></b> | <b>Công việc đảm nhận trong gói thầu<sup>(3)</sup></b> | <b>Giá trị % so với giá dự thầu<sup>(4)</sup></b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------|
| 1          |                                                          |                                                        |                                                   |                |
| 2          |                                                          |                                                        |                                                   |                |
| 3          |                                                          |                                                        |                                                   |                |
| 4          |                                                          |                                                        |                                                   |                |
| 5          |                                                          |                                                        |                                                   |                |
| ...        |                                                          |                                                        |                                                   |                |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

| STT | Công trình | Địa điểm | Thời gian hoàn thành công trình                                                               |                                                                                                | Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất<br><i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i> |
|-----|------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |          | Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i> | Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i> |                                                                                                             |
| (1) | (2)        | (3)      | (4)                                                                                           | (5)                                                                                            | (6)                                                                                                         |
|     |            |          |                                                                                               |                                                                                                |                                                                                                             |

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Trích xuất từ Mẫu số 01B Chương này.

(6): Nhà thầu đề xuất.

**Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**  
**(Áp dụng hợp đồng trọn gói)**

| <b>STT</b>                             | <b>Mô tả công việc <sup>(2)</sup></b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup></b> |
|----------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------|
| 1                                      | Hạng mục công việc 1                  |                    |                                             |
| 2                                      | Hạng mục công việc 2                  |                    |                                             |
| ..                                     |                                       |                    |                                             |
| Tổng cộng: [ <i>Hệ thống tự tính</i> ] |                                       |                    |                                             |

**Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc

khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)

| STT                                                          | Mô tả công việc<br>mời thầu                                    | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ<br>dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối<br>lượng<br>mời<br>thầu | Đơn<br>vị<br>tính | Đơn giá<br>dự thầu | Thành tiền           |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
|                                                              |                                                                |                                                  |                              |                   |                    | (Cột 4 x 6)          |
| (1)                                                          | (2)                                                            | (3)                                              | (4)                          | (5)               | (6)                | (7)                  |
| I                                                            | Các hạng mục                                                   |                                                  |                              |                   |                    | A=A1+A2+...          |
| I.1                                                          | Hạng mục 1                                                     |                                                  |                              |                   |                    | A1                   |
| 1                                                            | ...                                                            |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 2                                                            | ...                                                            |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| I.2                                                          | Hạng mục 2                                                     |                                                  |                              |                   |                    | A2                   |
| 1                                                            | ...                                                            |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 2                                                            | ...                                                            |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| ..                                                           | ...                                                            |                                                  |                              |                   |                    | ...                  |
| II                                                           | Chi phí dự phòng                                               |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 1                                                            | Chi phí dự phòng<br>cho khối lượng<br>phát sinh <sup>(*)</sup> |                                                  | b1%                          |                   |                    | $B1 = b1\% \times A$ |
| 2                                                            | Chi phí công nhật                                              |                                                  |                              |                   |                    | Y1                   |
| 3                                                            | Chi phí cho các<br>khoản tạm tính khác                         |                                                  |                              |                   |                    | Y2                   |
| Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |                                                                |                                                  |                              |                   |                    | A+B1+Y1+Y2           |

Ghi chú:

(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(7) Hệ thống tự động tính.

(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

| STT                                                          | Mô tả công việc<br>mời thầu                                                      | Yêu cầu kỹ<br>thuật/Chỉ<br>dẫn kỹ<br>thuật chính | Khối<br>lượng<br>mời<br>thầu | Đơn<br>vị<br>tính | Đơn giá<br>dự thầu | Thành tiền           |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
|                                                              |                                                                                  |                                                  |                              |                   |                    | (Cột 4 x 6)          |
| (1)                                                          | (2)                                                                              | (3)                                              | (4)                          | (5)               | (6)                | (7)                  |
| I                                                            | Các hạng mục                                                                     |                                                  |                              |                   |                    | $A=A1+A2+...$        |
| I.1                                                          | Hạng mục 1                                                                       |                                                  |                              |                   |                    | A1                   |
| 1                                                            | ...                                                                              |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 2                                                            | ...                                                                              |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| I.2                                                          | Hạng mục 2                                                                       |                                                  |                              |                   |                    | A2                   |
| 1                                                            | ...                                                                              |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 2                                                            | ...                                                                              |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| ..                                                           | ...                                                                              |                                                  |                              |                   |                    | ...                  |
| II                                                           | Chi phí dự phòng <sup>(*)</sup>                                                  |                                                  |                              |                   |                    |                      |
| 1                                                            | Chi phí dự phòng<br>cho khối lượng phát<br>sinh và chi phí dự<br>phòng trượt giá |                                                  | b1%                          |                   |                    | $B2 = b2\% \times A$ |
| 2                                                            | Chi phí công nhật                                                                |                                                  |                              |                   |                    | Y1                   |
| 3                                                            | Chi phí cho các<br>khoản tạm tính khác                                           |                                                  |                              |                   |                    | Y2                   |
| Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |                                                                                  |                                                  |                              |                   |                    | $A+B1+Y1+Y2$         |

Ghi chú:

(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.

(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*) được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Mẫu số 11D (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
**(Áp dụng hợp đồng hỗn hợp)**

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

| STT                                    | Mô tả công việc <sup>(2)</sup> | Đơn vị tính | Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup> |
|----------------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------------------------------|
| 1                                      | Hạng mục công việc 1           |             |                                      |
| 2                                      | Hạng mục công việc 2           |             |                                      |
| ..                                     |                                |             |                                      |
| Tổng cộng: [ <i>Hệ thống tự tính</i> ] |                                |             | X1                                   |

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục ở bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc (đối với các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói) nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo

thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

## II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

| STT                                                                 | Mô tả công việc mời thầu                                       | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền                  |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|-----------------------------|
|                                                                     |                                                                |                                         |                     |             |                 | (Cột 4 x 6)                 |
| (1)                                                                 | (2)                                                            | (3)                                     | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)                         |
| <b>I</b>                                                            | <b>Các hạng mục</b>                                            |                                         |                     |             |                 | $A=A1+A2+...$               |
| <b>I.1</b>                                                          | <b>Hạng mục 1</b>                                              |                                         |                     |             |                 | <b>A1</b>                   |
| 1                                                                   | ...                                                            |                                         |                     |             |                 |                             |
| 2                                                                   | ...                                                            |                                         |                     |             |                 |                             |
| <b>I.2</b>                                                          | <b>Hạng mục 2</b>                                              |                                         |                     |             |                 | <b>A2</b>                   |
| 1                                                                   | ...                                                            |                                         |                     |             |                 |                             |
| 2                                                                   | ...                                                            |                                         |                     |             |                 |                             |
| ..                                                                  | ...                                                            |                                         |                     |             |                 | ...                         |
| <b>II</b>                                                           | <b>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh<sup>(*)</sup></b> |                                         | b1%                 |             |                 | $B1 = b1\% \times A$        |
| <b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b> |                                                                |                                         |                     |             |                 | <b><math>X2=A+B1</math></b> |

Ghi chú:

(6): nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(7) Hệ thống tự động tính.

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

| STT                                                          | Mô tả công việc mời thầu                                                | Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá dự thầu | Thành tiền   |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|--------------|
|                                                              |                                                                         |                                         |                     |             |                 | (Cột 4 x 6)  |
| (1)                                                          | (2)                                                                     | (3)                                     | (4)                 | (5)         | (6)             | (7)          |
| I                                                            | Các hạng mục                                                            |                                         |                     |             |                 | A=A1+A2+...  |
| I.1                                                          | Hạng mục 1                                                              |                                         |                     |             |                 | A1           |
| 1                                                            | ...                                                                     |                                         |                     |             |                 |              |
| 2                                                            | ...                                                                     |                                         |                     |             |                 |              |
| I.2                                                          | Hạng mục 2                                                              |                                         |                     |             |                 | A2           |
| 1                                                            | ...                                                                     |                                         |                     |             |                 |              |
| 2                                                            | ...                                                                     |                                         |                     |             |                 |              |
| ..                                                           | ...                                                                     |                                         |                     |             |                 | ...          |
| II                                                           | Chi phí dự phòng (*)                                                    |                                         |                     |             |                 |              |
| 1                                                            | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá |                                         | b2%                 |             |                 | B2 = b2% x A |
| Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |                                                                         |                                         |                     |             |                 | X3=A+B2      |

*Ghi chú:*

*(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.*

*(\*) : được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.*

*(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.*

#### **IV. Tổng hợp giá dự thầu**

| <b>Stt</b> | <b>Các hạng mục</b>                                        | <b>Thành tiền</b>  |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
| I          | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói                | X1                 |
| II         | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định    | X2                 |
| III        | Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh | X3                 |
| IV         | Chi phí công nhật                                          | Y1                 |
| V          | Chi phí cho các khoản tạm tính                             | Y2                 |
|            | Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)                      | $X=X1+X2+X3+Y1+Y2$ |

**Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)****BẢNG KÊ CÔNG NHẬT****1. Quy định chung**

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào E-HSMT thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

**2. Nhân công tính theo Công nhật**

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng

không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;
- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;
- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;
- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

### **3. Vật liệu tính theo Công nhật**

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất...;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

### **4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật**

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu

chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;
- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư tiêu hao khác;
- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.

Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

**Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**

| Công việc số | Mô tả <sup>(1)</sup>                                                                  | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1            | Trưởng nhóm                                                                           | giờ                   | 50                                 |                        |                                 |
| 2            | Công nhân phổ thông                                                                   | giờ                   | 500                                |                        |                                 |
| 3            | Thợ nề                                                                                | giờ                   | 200                                |                        |                                 |
| 4            | Thợ hồ                                                                                | giờ                   | 200                                |                        |                                 |
| 5            | Thợ mộc                                                                               | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| 6            | Thợ sắt                                                                               | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| 7            | Lái xe đến 10 tấn                                                                     | giờ                   | 100                                |                        |                                 |
| ...          | ....                                                                                  |                       |                                    |                        |                                 |
|              |                                                                                       |                       |                                    |                        |                                 |
|              | <b>Tổng giá cho Công nhật: Nhân công</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                       |                                    |                        | (A1)                            |

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật: 2. Vật liệu**

| Công việc số | Mô tả <sup>(1)</sup>                                                                 | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1            | <i>Xi măng Portland</i>                                                              | <i>tấn</i>            | <i>0,5</i>                         |                        |                                 |
| 2            | <i>Thanh gia cố thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương</i>           | <i>kg</i>             | <i>100</i>                         |                        |                                 |
| 3            | <i>Đường ống gang dẻo (800mm Ø)</i>                                                  | <i>m</i>              | <i>12</i>                          |                        |                                 |
| ...          | .....                                                                                |                       |                                    |                        |                                 |
|              |                                                                                      |                       |                                    |                        |                                 |
|              | <b>Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                       |                                    |                        | (A2)                            |

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật 3. Thiết bị của Nhà thầu**

| Công việc số                                                                                      | Mô tả <sup>(1)</sup>          | Đơn vị <sup>(2)</sup> | Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup> | Đơn giá <sup>(4)</sup> | Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1                                                                                                 | Máy cầu bánh xích, 10 -15 tấn | giờ                   | 10                                 |                        |                                 |
| 2                                                                                                 | Ô tô cần trục, 25-50 tấn      | giờ                   | 15                                 |                        |                                 |
| 3                                                                                                 | Máy đào thủy lực, 170Hp       | giờ                   | 10                                 |                        |                                 |
| 4                                                                                                 | Máy san ủi, 3m, 100Hp         | giờ                   | 20                                 |                        |                                 |
| 5                                                                                                 | Xe téc chở nước, 5000 lít     | giờ                   | 30                                 |                        |                                 |
| 6                                                                                                 | Máy nén khí, 6000 lít/phút    | giờ                   | 40                                 |                        |                                 |
| ...                                                                                               | ....                          |                       |                                    |                        |                                 |
|                                                                                                   |                               |                       |                                    |                        |                                 |
|                                                                                                   |                               |                       |                                    |                        |                                 |
| <b>Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu</b><br>(kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp) |                               |                       |                                    |                        | (A3)                            |

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Công nhật tổng hợp**

|                                                                                                                           | <b>Thành tiền<br/>(VND)</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công                                                                                      | (A1)                        |
| 2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu                                                                                       | (A2)                        |
| 3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu                                                                          | (A3)                        |
| <b>Tổng giá cho Công nhật</b><br>(kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng<br>tổng hợp giá dự thầu) | <b>A</b>                    |

**Mẫu số 12B (Webform trên Hệ thống)****BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH**

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

| <b>Bảng số</b>                                                                                                                       | <b>Công việc số</b> | <b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>                              | <b>Thành tiền (VND)<sup>(2)</sup></b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 04                                                                                                                                   | 15                  | <i>Cung cấp và lắp đặt thiết bị tại trạm bơm</i>        |                                       |
| 06                                                                                                                                   | 19                  | <i>Cung cấp hệ thống thông khí trong đường ống ngầm</i> |                                       |
| ...                                                                                                                                  |                     |                                                         |                                       |
| ....                                                                                                                                 |                     |                                                         |                                       |
|                                                                                                                                      |                     |                                                         |                                       |
| <b>Tổng các khoản tạm tính</b><br>(kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu) |                     |                                                         | <b>B</b>                              |

Ghi chú:

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong E-HSDT theo đúng nội dung công việc nêu trong E-HSMT.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

Mẫu số 12C (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH**  
(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)

Do Chủ đầu tư ghi

Do Nhà thầu ghi

| Mã Chỉ số | Mô tả Chỉ số     | Nguồn Chỉ số | Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở | Số tiền | Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất |
|-----------|------------------|--------------|-----------------------------|---------|--------------------------------|
|           | Không điều chỉnh | —            | —                           | —       | a: 0.10 ~ 0.20                 |
|           | Điều chỉnh       | —            | —                           | —       | b:<br>c:<br>d:<br>e:           |
| Tổng cộng |                  |              |                             |         | 1.00                           |

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **I. Giới thiệu về gói thầu**

1. Phạm vi công việc của gói thầu.
2. Thời hạn hoàn thành.

#### **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

| <b>STT</b> | <b>Hạng mục công trình</b> | <b>Ngày bắt đầu</b> | <b>Ngày hoàn thành</b> |
|------------|----------------------------|---------------------|------------------------|
| 1          |                            |                     |                        |
| 2          |                            |                     |                        |
| 3          |                            |                     |                        |
| ...        |                            |                     |                        |

#### **III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật**

1. Quy định kỹ thuật chính xác và rõ ràng là một điều kiện tiên quyết để các nhà thầu đáp ứng một cách thực tế và cạnh tranh các yêu cầu của Chủ đầu tư mà không đặt điều kiện cho E-HSDT của Nhà thầu. Quy định kỹ thuật phải được soạn thảo để không làm hạn chế cạnh tranh, đồng thời nêu rõ các yêu cầu về trình độ tay nghề, vật tư và hiệu suất sử dụng của các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp. Quy định kỹ thuật cần yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

2. Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, máy móc, thiết bị.

3. Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, máy móc, thiết bị nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật tư, máy móc, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.

4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);

5. Đấu thầu bền vững: Trường hợp có yêu cầu về đấu thầu bền vững thì chủ đầu tư cần đưa ra quy định bảo đảm sự thân thiện với môi trường, xã hội (vật tư, vật liệu, biện pháp thi công...).

#### **IV. Các bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

| <b>STT</b> | <b>Ký hiệu</b> | <b>Tên bản vẽ</b> | <b>Phiên bản/ngày phát hành</b> |
|------------|----------------|-------------------|---------------------------------|
| 1          |                |                   |                                 |
| 2          |                |                   |                                 |
| ...        |                |                   |                                 |

(Xem tiếp Công báo số 445 + 446)

---

---

## **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng